

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07 /2022/HNGĐ - ST

Ngày: 24/3/ 2022

*"V/v Ly hôn, nuôi con chung
khi ly hôn"*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L - TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Toà: Ông Nguyễn Minh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Văn Kế

2. Bà Vũ Thị Toan

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thơm – Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông Đào Đức Độ – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST - HNGĐ ngày 10/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị T, sinh năm 1991 “*có đơn xin xét xử vắng mặt*”.

Trú tại: Thôn X, xã D, huyện L, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Trần Ngọc N, sinh năm 1985 “*vắng mặt không có lý do*” Trú tại: Thôn L, xã X, huyện L, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Trần Thị Diễm M, sinh ngày 10/11/2013 “*vắng mặt*”

Người đại diện hợp pháp cho cháu M là anh Trần Ngọc N và chị Đoàn Thị T – Bố, mẹ đẻ của cháu.

Người làm chứng:

- Ông Trần Văn T, sinh năm 1963; Trú tại: Thôn L, xã X, huyện L, tỉnh Hưng Yên. “*vắng mặt không có lý do*”

Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1966; Trú tại: Thôn X, xã D, huyện L, tỉnh Hưng Yên. “*vắng mặt không có lý do*”

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Đoàn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Ngọc N được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Hưng Yên vào ngày 29/06/2012. Hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi cưới vợ chồng về sinh sống cùng với gia đình anh N tại xã X, huyện L, thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu Tẫn. Nguyên nhân mâu Tẫn là do vợ chồng có nhiều quan điểm bất đồng, do kinh tế khó khăn. Bên cạnh đó, anh N không những không tu chí làm ăn mà còn không chung thủy trong tình cảm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị và anh N cũng đã nhiều lần nói chuyện với nhau để giải quyết mâu Tẫn vợ chồng nhưng anh N không có sự thay đổi. Trong những lần vợ chồng giận dỗi, cãi nhau anh N còn đánh đuổi chị. Mỗi lần như vậy chị đều về nhà mẹ đẻ ở một thời gian để vợ chồng có thời gian nhìn nhận lại cuộc sống hôn nhân của mình. Trong thời gian đó, anh N có xuống nói chuyện với chị và vì con nên chị đã quay về chung sống cùng với anh N. Tuy nhiên, chỉ được một thời gian ngắn sau đó vợ chồng lại liên tục xảy ra cãi vã. Mâu Tẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, giữa anh chị không có sự thông cảm và chia sẻ với nhau, cuộc sống hôn nhân luôn trong tình trạng căng thẳng nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 9 năm 2015 cho đến nay. Hai bên gia đình cũng đã nhiều lần khuyên bảo, phân tích nhưng tình trạng mâu Tẫn của vợ chồng không có chuyển biến tốt hơn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh N không còn, không thể duy trì được cuộc sống hôn nhân với anh N nữa nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung tên cháu là Trần Thị Diễm M, sinh ngày 10/11/2013, hiện đang ở cùng chị, cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc và tình cảm của mẹ nên chị xin được nuôi con. Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 28/01/2022, bị đơn anh Trần Ngọc N trình bày thống nhất với lời khai của chị T về thời gian đăng ký kết hôn, mâu Tẫn vợ chồng. Anh thừa nhận cuộc sống hôn nhân của anh chị có mâu Tẫn. Nguyên nhân mâu Tẫn là do kinh tế khó khăn, do vợ chồng không hiểu nhau và chị T không tin tưởng anh trong chuyện tình cảm. Anh chị đã không còn chung sống cùng với nhau từ năm 2015 cho đến giờ. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh, quan điểm của anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị T trình bày. Trong trường hợp anh và chị T ly hôn, anh đồng ý để chị T nuôi con chung và không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị T.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Trần Thị Diễm M thể hiện nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

Người làm chứng ông Trần Văn T là chú ruột của anh N và bà Nguyễn Thị X là mẹ đẻ chị T đều xác định: Anh N và chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Hưng Yên vào năm 2012. Trong đời sống hôn nhân vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do kinh tế khó khăn và không còn tin tưởng nhau về tình cảm. Mâu thuẫn của anh chị cũng đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không được. Nay chị T và anh N ly hôn quan điểm của gia đình vẫn mong muốn hai vợ chồng đoàn tụ, còn không là do anh N chị T tự quyết định lấy cuộc sống hôn nhân của mình. Anh N và chị T có 01 con chung đúng như lời khai của anh chị.

Xác minh tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Hưng Yên được biết: Anh N và chị T có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Hưng Yên ngày 29/6/2012 theo giấy chứng nhận kết hôn số 26. Anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng khó khăn về kinh tế, không còn tin tưởng nhau về tình cảm, hiện anh chị đã sống ly thân từ lâu. Vợ chồng anh chị có 01 con chung sinh năm 2013. Nay chị T có đơn xin ly hôn với anh N tại Tòa án, quan điểm của UBND xã đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N vắng mặt không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải cho các bên đương sự được.

Tại phiên tòa ngày 10/3/2022, vắng mặt anh Trần Ngọc N không có lý do nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Trần Ngọc N được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Chủ tọa phiên tòa, công bố bản tự khai, biên bản ghi lời khai của nguyên đơn, lời khai của bị đơn, lời khai của người làm chứng, biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Hưng Yên và các tài liệu khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L. Hoạt động T tập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không Tộc trường hợp phải thay đổi. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị T được quyền nuôi dưỡng cháu Trần Thị Diễm M, sinh ngày 10/11/2013. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1]. *Về tố tụng*: Chị Đoàn Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Ngọc N có hộ khẩu thường trú tại xã X, huyện L, tỉnh Hưng Yên nên vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Anh N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như vắng mặt không có lý do tại phiên tòa ngày 10/3/2022 nên Tòa án nhân dân huyện L đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST - HNGĐ và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 24/3/2022. Anh N đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh N có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Hưng Yên ngày 29/6/2012 theo giấy chứng nhận kết hôn số 26. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, anh chị phát sinh mâu Tẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, khó khăn về kinh tế và không còn tin tưởng nhau về tình cảm dẫn đến không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau trong công việc và cuộc sống. Vợ chồng sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay và không ai còn quan tâm tới ai. Mâu Tẫn của anh chị cũng đã được gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không được. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài thêm được nữa, chị kiên quyết đề nghị Tòa án nhân dân huyện L giải quyết cho chị được ly hôn với anh N để chị sớm được ổn định cuộc sống. Anh N cũng xác định tình cảm vợ chồng có mâu Tẫn, anh chị đã không còn chung sống với nhau từ lâu và nay chị T có đơn ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu Tẫn vợ chồng giữa chị T và anh N đã phát sinh và kéo dài, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau điều đó thể hiện mâu Tẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa.

[3]. *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung là cháu Trần Thị Diễm M, sinh ngày 10/11/2013. Ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung chị, anh N đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu M hiện đang ở cùng với chị T, chị T có đủ điều kiện nuôi dạy cháu và có nguyện vọng được nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến khi trưởng thành cũng phù hợp với nguyện vọng của

cháu M xin được ở cùng với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu M cho chị T nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, thành niên. Do chị T không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị T.

[4]. Về tài sản, công sức, nợ nần: Anh chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

[6]. Quan điểm, đề nghị của đại diện VKSND huyện L tại phiên toà về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Đoàn Thị T được ly hôn với anh Trần Ngọc N.

- **Về con chung:** Giao cháu Trần Thị Diễm M, sinh ngày 10/11/2013 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi, thành niên. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị T. Anh N được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Đoàn Thị T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0004536 ngày 12/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKS + THA huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên toà

Nguyễn Minh Ngọc

